

Bản án số: 19/2023/HS-ST
Ngày 02 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Đức Tâm.

Ông Nguyễn Xuân Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trúc là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Hữu Thành, Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/ Lê Thị Kim L, sinh ngày 06/6/1972 tại tỉnh Bến Tre.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh B; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C, sinh năm 1938 và bà Đoàn Thị T, sinh năm 1942; bị cáo là con thứ tư trong gia đình có sáu anh chị em; chồng: Nguyễn Thanh L, sinh năm 1972 (chết); con: 02 người, lớn sinh năm 1997, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/12/2022 đến ngày 14/3/2023 và từ ngày 26/4/2023 cho đến nay. (có mặt)

2/ Trần Thị Bạch L, sinh ngày 21/4/1988 tại tỉnh Bến Tre.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh B; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T, sinh năm 1965 (chết) và bà Võ Thị T, sinh năm 1964; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; chồng: Ngô Thanh P, sinh năm 1976; con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/12/2022 đến ngày 14/3/2023 và từ ngày 26/4/2023 cho đến nay. (có mặt)

3/ Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/02/1972 tại tỉnh Bến Tre.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh B; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1948; bị cáo là con lớn trong gia đình có năm chị em; chồng: Võ Thanh T, sinh năm 1976; con: 02 người, lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/12/2022 đến ngày 14/3/2023 và từ ngày 26/4/2023 cho đến nay. (có mặt)

4/ **Nguyễn Ngọc D**, sinh ngày 29/7/1957 tại tỉnh Bến Tre.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh B; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1920 (chết) và bà Cao Thị C sinh năm 1922 (chết); bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình có bốn anh chị em; vợ: Trần Thị A, sinh năm 1961; con: 04 người, lớn nhất sinh năm 1982, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/12/2022 đến ngày 14/3/2023 và từ ngày 26/4/2023 cho đến nay. (có mặt)

5/ **Trương Ngọc V**, sinh ngày 18/8/1975 tại tỉnh Bến Tre.

Tên gọi khác: không.

Nơi cư trú: ấp P, xã C, huyện G, tỉnh B; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn U, sinh năm 1943 (chết) và bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1950; bị cáo là con thứ năm trong gia đình có mười anh chị em; chồng: Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975; con: 02 người, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2002; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/12/2022 đến ngày 14/3/2023 và từ ngày 26/4/2023 cho đến nay. (có mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp L1, xã L, huyện, tỉnh B. (vắng mặt)

2/ Ông Trần Văn T, sinh năm 1969. Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh B. (có mặt)

3/ Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1988. Nơi cư trú: ấp a, xã B, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt)

4/ Bà Nguyễn Tường K, sinh năm 1994. Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt)

5/ Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: ấp L1, xã L, huyện G, tỉnh B. (có mặt)

6/ Ông Huỳnh Văn Út L, sinh năm 1965. Nơi cư trú: ấp L1, xã L, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt)

7/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1957. Nơi cư trú: ấp Đ, xã L, huyện G, tỉnh B. (có mặt)

8/ Ông Trần Quốc T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt)

9/ Bà Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1963. Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh B. (có mặt)

10/ Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện G, tỉnh B. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 18 giờ 05 phút, ngày 16/5/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Thị Bạch L về hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền hình thức mua bán lô, số đề các đài Miền Nam, Miền Bắc ăn thua bằng tiền tại quầy bán nước quán Tin Tin (do Trần Thị Bạch L làm chủ) tại ấp P, xã C, huyện G. Qua kiểm tra 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, gắn thẻ sim có số thuê bao 0933569459, chín (09) giấy ghi lô, số đề của Trần Thị Bạch L xác định L đã bán lô, số đề ăn thua bằng tiền với những người khác cụ thể như sau:

1. Nguyễn Ngọc D đến nhà Trần Thị Bạch L mua lô, số đề đài Miền Nam của L như sau: mua 50.000 đồng bao lô số 75 (mua đề 02 con số tỉ lệ 01 thắng 70 lần) của 03 Đài Tiền Giang, Kiên Giang và Lâm Đồng, thành tiền 18 lô (01 đài có 18 lô có 02 con số trở lên) x 3 đài x 50.000 đồng = 2.700.000 đồng; mua 30.000 đồng bao lô số 775 (mua đề 03 con số tỉ lệ 01 thắng 600 lần, 01 đài có 17 lô có 3 con số trở lên) của 03 Đài Tiền Giang, Kiên Giang và Lâm Đồng, thành tiền 17 lô x 3 đài x 30.000 đồng = 1.530.000 đồng; mua 10.000 đồng bao lô số 475 của 03 Đài Tiền Giang, Kiên Giang và Lâm Đồng, thành tiền 17 lô x 3 đài x 10.000 đồng = 510.000 đồng; mua 3.000 đồng số đá 75-53 (kết quả mở thưởng đồng thời có số 75 và 53 người chơi thắng tỉ lệ 01 ăn 600 lần) Đài Kiên Giang, thành tiền 18 lô x 02 số đá x 3.000 đồng = 108.000 đồng; mua 10.000 đồng bao lô số 47 đài Lâm Đồng, thành tiền 18 lô x 10.000 đồng = 180.000 đồng; mua 10.000 đồng bao lô số 68 đài Kiên Giang, thành tiền 180.000 đồng; mua 10.000 đồng bao lô số 77 Đài Tiền Giang, thành tiền 180.000 đồng. Tổng số tiền D mua số đề của L là 2.700.000 + 1.530.000 + 510.000 + 108.000 + 180.000 đồng + 180.000 đồng + 180.000 đồng = 5.388.000 đồng (D đã trả tiền mua số đề cho L). Kết quả mở thưởng D trúng 01 số 75 Đài Tiền Giang và 01 số 75 đài Lâm Đồng nên Diện thắng số tiền 50.000 x 70 + 50.000 x 70 = 7.000.000 đồng. Tổng số tiền D dùng tham gia đánh bạc với L là 5.388.000 + tiền thắng 7.000.000 đồng = 12.388.000 đồng.

- Nguyễn Ngọc D mua lô, số đề Đài Miền Bắc của Trần Thị Bạch L như sau: mua 5.000 đồng số đá 11-59-95, thành tiền 5.000 đồng x 03 số x 02 số đá x 27 lô (Đài Miền Bắc có 27 lô có 02 con số trở lên, kết quả mở thưởng đồng thời có số 11 và 59, hoặc 59 và 95, hoặc 11 và 95 người chơi thắng tỉ lệ 01 ăn 600 lần) = 810.000 đồng; mua 10.000 đồng số đề đá 11.30.53 với số tiền là 1.620.000 đồng; mua 10.000 đồng số đá 30-68-77, thành tiền 1.620.000 đồng; mua 20.000 đồng bao lô số 411, thành tiền 20.000 đồng x 23 lô (Đài Miền Bắc có 23 lô có 03 con số trở lên) = 460.000 đồng; mua 50.000 đồng số đề đầu 411 (số đề đầu Đài Miền Bắc có 03 số

đề), mua 50.000 đồng số đề đuôi 411 (số đề đuôi Đài Miền Bắc có 01 số đề của giải đặc biệt), thành tiền $50.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ số} (03 \text{ số đầu và } 01 \text{ số đuôi}) = 400.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền D mua số đề của L là 4.710.000 đồng (D đã trả tiền mua đề xong cho L). Khi L bị bắt quả tang chưa có kết quả mở thưởng, nên số tiền D dùng tham gia đánh bạc với L là 4.710.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Ngọc D khai mua số đề của L cho người tên P đối với Đài Miền Nam số tiền 11.848.000 đồng (gồm: tiền mua số đề 4.848.000 đồng, tiền trúng số đề 7.000.000 đồng), đối với Đài Miền Bắc số tiền 4.710.000 đồng. Tuy nhiên, D không xác định được người tên P là ai. Cơ quan điều tra không chứng minh được người tên Phong cụ thể là ai. Vì vậy, Nguyễn Ngọc D phải chịu trách nhiệm toàn bộ về hành vi đánh bạc của mình trước pháp luật.

2. Trương Ngọc V, tại Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm xử phạt vi phạm hành chính đối với V số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, V tiếp tục đến nhà Trần Thị Bạch L mua lô, số đề đài Miền Nam của L như sau: mua 5.000 đồng bao lô số 65 Đài Tiền Giang, Kiên Giang, thành tiền: $5.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ lô} \times 02 \text{ đài} = 180.000 \text{ đồng}$; mua 10.000 đồng bao lô số 51 Đài Tiền Giang, thành tiền 180.000 đồng; mua 10.000 đồng số đề đầu 51, mua 4.000 đồng số đề đuôi 51 Đài Tiền Giang với số tiền 14.000 đồng; mua 1.000 đồng bao lô số 351 Đài Tiền Giang, Kiên Giang, thành tiền 34.000 đồng. Tổng số tiền V mua số đề của L là 408.000 đồng (V đã trả tiền mua số đề cho L). Kết quả mở thưởng Vân trúng 01 số 65 Đài Tiền Giang nên Vân thắng số tiền: $5.000 \times 70 = 350.000 \text{ đồng}$. Tổng số tiền V dùng tham gia đánh bạc với L đối với các đài Miền Nam là $408.000 \text{ đồng} + 350.000 \text{ đồng} = 758.000 \text{ đồng}$.

- Trương Ngọc V mua lô, số đề Đài Miền Bắc của Trần Thị Bạch L như sau: mua 10.000 đồng bao lô số 73, thành tiền 270.000 đồng; mua 5.000 đồng bao lô số 51, thành tiền 135.000 đồng; mua 1.000 đồng số đá 51-73, thành tiền 54.000 đồng. Tổng số tiền V mua lô, số đề của L là 459.000 đồng (Vân đã trả tiền mua số đề cho L). Khi L bị bắt quả tang chưa có kết quả mở thưởng, nên số tiền V dùng tham gia đánh bạc với L đối với các Đài Miền Bắc là 459.000 đồng.

3. Nguyễn Minh C, Nguyễn Minh H, Huỳnh Văn Út L và Trần Quốc T thỏa thuận cùng nhau mua số đề của L; sau khi thống nhất, C sử dụng điện thoại di động gắn thẻ sim có số thuê bao 0987239244 nhắn tin vào số thuê bao 0933569459 của Trần Thị Bạch L mua lô, số đề đài Miền Nam như sau: mua 20.000 đồng bao lô số 89 Đài Lâm Đồng, thành tiền 360.000 đồng; mua 20.000 đồng bao lô số 04 đài Lâm Đồng, thành tiền 360.000 đồng; mua 20.000 đồng bao lô số 04 Đài Tiền Giang, thành tiền 360.000 đồng; mua 20.000 đồng bao lô số 04 Đài Kiên Giang, thành tiền 360.000 đồng; mua 10.000 đồng bao lô số 75 đài Lâm Đồng, thành tiền 180.000 đồng; mua 10.000 đồng bao lô số 75 Đài Kiên Giang, thành tiền 180.000 đồng; mua 10.000 đồng bao lô số 75 Đài Tiền Giang, thành tiền 180.000 đồng; mua 10.000 đồng bao lô số 89 Đài Kiên Giang, thành tiền 180.000 đồng. Tổng số tiền C, H, Lớn và T mua số đề của L là 2.160.000 đồng (C chưa trả tiền mua đề cho L). Kết quả mở thưởng Chiến, Hậu, Lớn và Thanh trúng 01 số 75 đài Lâm Đồng và 01 số 75 Đài Tiền Giang nên C thắng số tiền $10.000 \times 70 + 10.000 \times 70 = 1.400.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng số tiền C, H, L và T dùng tham gia đánh bạc với L đối với các đài Miền Nam là 2.160.000 đồng + 1.400.000 đồng = 3.560.000 đồng.

- Nguyễn Minh C sử dụng điện thoại di động gắn thẻ sim có số thuê bao 0987239244 nhắn tin vào số thuê bao 0933569459 của Trần Thị Bạch L mua lô, số đề Đài Miền Bắc như sau: mua 5.000 đồng số đá 21-08-88, thành tiền 810.000 đồng; mua 5.000 đồng số đá 19-51-68, thành tiền 810.000 đồng; mua 2.000 đồng số đá 05-85-88, thành tiền 324.000 đồng; mua 2.000 đồng số đá 93-94-49, thành tiền 324.000 đồng. Tổng số tiền C mua số đề của L là 2.268.000 đồng (C chưa trả tiền mua số đề cho L). Khi L bị bắt quả tang chưa có kết quả mở thưởng nên số tiền dùng vào việc đánh bạc của C là 2.268.000 đồng.

4. Trần Văn T sử dụng điện thoại di động gắn thẻ sim có số thuê bao 0919404739 nhắn tin vào số thuê bao 0933569459 của Trần Thị Bạch L mua các số đề đài Miền Nam như sau: mua 8.000 đồng bao lô số 81 Đài Tiền Giang, thành tiền 144.000 đồng; mua 2.000 đồng bao lô số 81 Đài Kiên Giang, thành tiền 36.000 đồng. Tổng số tiền T mua số đề của Lan là 180.000 đồng (T chưa trả tiền mua số đề cho L). Kết quả mở thưởng T không trúng đề nên số tiền dùng vào việc đánh bạc của T là 180.000 đồng.

5. Nguyễn Thị L đến nhà Trần Thị Bạch L mua số đề đài Miền Nam của L như sau: mua 2.000 đồng số đá 07-70 Đài Kiên Giang, thành tiền 72.000 đồng; mua 1.000 đồng bao lô số 07 Đài Kiên Giang, thành tiền 18.000 đồng; mua 1.000 đồng bao lô số 70 Đài Kiên Giang, thành tiền 18.000 đồng; mua 2.000 đồng số đá 02-38 Đài Tiền Giang, thành tiền 72.000 đồng; mua 1.000 đồng bao lô số 02 Đài Tiền Giang, thành tiền 18.000 đồng; mua 1.000 đồng bao lô số 38 Đài Tiền Giang, thành tiền 18.000 đồng. Tổng số tiền L mua số đề của L là 216.000 đồng (L đã trả tiền mua số đề cho L). Kết quả mở thưởng L không trúng số đề nên số tiền dùng vào việc đánh bạc của L là 216.000 đồng.

6. Nguyễn Văn N sử dụng điện thoại di động gắn thẻ sim có số thuê bao 0878199232 nhắn tin vào số thuê bao 0933569459 của Trần Thị Bạch L mua các số đề Đài Miền Bắc như sau: mua 15.000 đồng bao lô số đề 65, thành tiền 405.000 đồng; mua 3.000 đồng bao lô số 665, thành tiền 69.000 đồng. Tổng số tiền N mua số đề của L là 474.000 đồng (N đã trả tiền mua số đề cho L). Khi L bị bắt quả tang chưa có kết quả mở thưởng nên số tiền dùng vào việc đánh bạc của N là 474.000 đồng.

7. Nguyễn Tường K sử dụng điện thoại di động gắn thẻ sim có số thuê bao 0384174532 nhắn tin vào số thuê bao 0933569459 của Trần Thị Bạch L mua số đề Đài Miền Bắc như sau: mua 20.000 đồng bao lô số 60, thành tiền 540.000 đồng; mua 7.000 đồng bao lô số 10, thành tiền 189.000 đồng; mua 5.000 đồng số đầu số 10, thành tiền 20.000 đồng; mua 5.000 đồng số đuôi số 10, thành tiền 5.000 đồng; mua 10.000 đồng số đuôi các số 00, 01, 02, 05, 07, 08, 09, 10, 11, 15, 17, 18, 19, 23, 24, 28, 29, 32, 36, 38, 39, 46, 48, 49, 54, 57, 58, 59, 62, 63, 64, 65, 68, 69, 70, 71, 75, 78, 79, 89, 82, 83, 85, 86, 87, 90, 92, 93, 96, 96, thành tiền $10.000 \times 50 \text{ số} = 500.000$ đồng. Tổng số tiền K mua số đề với L là 1.254.000 đồng (K chưa trả tiền mua số đề cho L). Khi L bị bắt quả tang chưa có kết quả mở thưởng nên số tiền dùng vào việc đánh bạc của K là 1.254.000 đồng.

8. Nguyễn Văn H sử dụng điện thoại di động gắn thẻ sim có số thuê bao 0372828260 nhắn tin vào số thuê bao 0933569459 của Trần Thị Bạch L mua số đề Đài Miền Bắc như sau: mua 3.000 đồng số đá 96-69-79, thành tiền 486.000 đồng; mua 5.000 đồng số đá 25-52-79, thành tiền 810.000 đồng; mua 6.000 đồng số đá 79-25, thành tiền 324.000 đồng. Tổng số tiền H mua số đề của L là 1.620.000 đồng (H chưa trả tiền mua số đề cho L). Khi L bị bắt quả tang chưa có kết quả mở thưởng nên số tiền dùng vào việc đánh bạc của H là 1.620.000 đồng.

9. Trương Thị Tuyết M đến nhà Trần Thị Bạch L mua số đề Đài Miền Bắc của L như sau: mua 3.000 đồng số đá 66-77, thành tiền 162.000 đồng; mua bao lô 2.000 đồng số 166, thành tiền 46.000 đồng. Tổng số tiền M mua số đề của L là 208.000 đồng (M chưa trả tiền mua số đề cho L). Khi L bị bắt quả tang chưa có kết quả mở thưởng nên số tiền dùng vào việc đánh bạc của M là 208.000 đồng.

10. Võ Hồng P sử dụng điện thoại di động gắn thẻ sim có số thuê bao 0393093539 nhắn tin vào số thuê bao 0933569459 của Trần Thị Bạch L mua số đề Đài Miền Bắc như sau: mua 1.000 đồng số đá 59-89, thành tiền 54.000 đồng; mua 1.000 đồng số đề 57-75, thành tiền 54.000 đồng. Tổng số tiền P mua số đề của L là 108.000 đồng (P chưa trả tiền mua số đề cho L). Khi L bị bắt quả tang chưa có kết quả mở thưởng nên số tiền dùng vào việc đánh bạc của P là 108.000 đồng.

11. Một người Nam thanh niên tên G (chưa rõ họ tên, địa chỉ) đến nhà Trần Thị Bạch L mua số đề Đài Miền Bắc của L như sau: mua bao lô 2.000 đồng số 39, thành tiền 54.000 đồng; mua 5.000 đồng số đá 68-77, thành tiền 270.000 đồng; mua 1.000 đồng số đá 27-47, thành tiền 54.000 đồng. Tổng số tiền G mua số đề của Lan là 378.000 đồng (G đã trả tiền mua số đề cho L). Khi L bị bắt quả tang chưa có kết quả mở thưởng nên số tiền dùng vào việc đánh bạc của G là 378.000 đồng.

12. Một người Nam thanh niên chưa rõ họ tên, địa chỉ sử dụng điện thoại di động gắn thẻ sim có số thuê bao 0362446970 nhắn tin vào số thuê bao 0933569459 của Trần Thị Bạch L mua số đề đài Miền Nam như sau: mua 5.000 đồng bao lô số 77 Đài Tiền Giang, thành tiền 90.000 đồng; mua 5.000 đồng bao lô số 65 Đài Tiền Giang, thành tiền 90.000 đồng; mua 5.000 đồng số đá 77-65 Đài Tiền Giang, thành tiền 180.000 đồng; mua 5.000 đồng bao lô số 877 Đài Tiền Giang, thành tiền 85.000 đồng; mua 5.000 đồng bao lô số 765 Đài Tiền Giang, thành tiền 85.000 đồng. Tổng số tiền người Nam thanh niên mua số đề của Lan là 530.000 đồng (chưa trả tiền mua số đề cho L). Kết quả mở thưởng người Nam thanh niên trúng 01 số 65 Đài Tiền Giang với số tiền $5.000 \times 70 = 350.000$ đồng. Tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của người Nam thanh niên là $530.000 + 350.000 = 880.000$ đồng.

- Một người Nam thanh niên chưa rõ họ tên, địa chỉ sử dụng điện thoại di động gắn thẻ sim có số thuê bao 0362446970 nhắn tin vào số thuê bao 0933569459 của Trần Thị Bạch L mua số đề Đài Miền Bắc như sau: mua 2.000 đồng số đá 11-57-75, thành tiền 324.000 đồng; mua 1.000 đồng số đá 11-23-32, thành tiền 162.000 đồng. Tổng số tiền người Nam thanh niên mua số đề của Lan là 486.000 đồng (chưa trả tiền mua số đề cho L). Khi L bị bắt quả tang chưa có kết quả mở thưởng nên số tiền người Nam thanh niên dùng vào việc đánh bạc là 486.000 đồng.

13. Nhiều người Nam thanh niên chưa rõ họ tên, địa chỉ đến nhà Trần Thị Bạch L mua số đề đài Miền Nam của L như sau: mua 10.000 đồng bao lô số 67 Đài Kiên Giang, thành tiền 180.000 đồng; mua 10.000 đồng bao lô số 70 Đài Kiên

Giang, thành tiền 180.000 đồng; mua 5.000 đồng bao lô số 83 Đài Tiền Giang, thành tiền 90.000 đồng; mua 2.000 đồng bao lô số 483 Đài Tiền Giang, thành tiền 34.000 đồng; mua 3.000 đồng số đầu 483 và 3.000 đồng số đuôi 483 Đài Tiền Giang, thành tiền 6.000 đồng; mua 6.000 đồng số đầu 366 và 6.000 đồng số đuôi 366 Đài Tiền Giang, Kiên Giang và Lâm Đồng, thành tiền 36.000 đồng; mua 1.000 đồng bao lô số 366 Đài Tiền Giang, Kiên Giang và Lâm Đồng, thành tiền 51.000 đồng; mua 2.000 đồng số đầu 81 và 2.000 đồng số đuôi 81 Đài Tiền Giang, Kiên Giang và Lâm Đồng, thành tiền 12.000 đồng; mua 5.000 đồng bao lô số 49 Đài Tiền Giang, thành tiền 90.000 đồng; mua 6.000 đồng số đầu 11 và 6.000 đồng số đuôi 11 Đài Tiền Giang, Kiên Giang và Lâm Đồng, thành tiền 36.000 đồng; mua 1.000 đồng số đá 66-81 đài Lâm Đồng, thành tiền 36.000 đồng; mua 2.000 đồng bao lô số 79 đài Lâm Đồng, thành tiền 36.000 đồng; mua 1.000 đồng bao lô số 568 đài Lâm Đồng, thành tiền 17.000 đồng; mua 5.000 đồng số đầu 568 và mua 5.000 đồng số đuôi 568 đài Lâm Đồng, thành tiền 10.000 đồng; mua 2.000 đồng số đề đầu 68 đài Lâm Đồng, thành tiền 2.000 đồng; mua 3.000 đồng từ số 30 đến số 79 Đài Tiền Giang, thành tiền $3.000 \times 50 \text{ số} = 150.000 \text{ đồng}$; mua 3.000 đồng bao lô số 16 Đài Tiền Giang, thành tiền 54.000 đồng; mua 4.000 đồng bao lô số 16 đài Lâm Đồng, thành tiền 72.000 đồng; mua 20.000 đồng bao lô số 55 ba Đài Tiền Giang, Kiên Giang, Lâm Đồng, thành tiền 1.080.000 đồng; mua 5.000 đồng bao lô số 155 ba Đài Tiền Giang, Kiên Giang, Lâm Đồng, thành tiền 255.000 đồng; mua 3.000 đồng số đầu 155, số đuôi 155 ba Đài Tiền Giang, Kiên Giang, Lâm Đồng, thành tiền 18.000 đồng; mua 5.000 đồng bao lô số 43 ba Đài Tiền Giang, Kiên Giang, Lâm Đồng, thành tiền 270.000 đồng; mua 3.000 đồng số đầu 765, 877, số đuôi 877, 765 Đài Tiền Giang, thành tiền 12.000 đồng; mua 3.000 đồng số đầu 351, số đuôi 351 hai Đài Tiền Giang, Kiên Giang, thành tiền 12.000 đồng; mua 5.000 đồng số đầu 775, số đuôi 775 ba Đài Tiền Giang, Kiên Giang, Lâm Đồng, thành tiền 30.000 đồng; mua 3.000 đồng số đầu 475, số đuôi 475 ba Đài Tiền Giang, Kiên Giang, Lâm Đồng, thành tiền 18.000 đồng. Tổng số tiền những người đánh bạc mua số đề của Lan là 2.787.000 đồng (đã trả tiền mua số đề cho L). Kết quả mở thưởng những người Nam thanh niên trúng 01 số 72 Đài Tiền Giang (tiền mua đề 3.000 đồng) với số tiền $3.000 \times 70 = 210.000 \text{ đồng}$, trúng 01 số 16 Đài Tiền Giang (tiền mua đề 3.000 đồng) với số tiền 210.000 đồng, trúng 01 số 43 đài Lâm Đồng (tiền mua đề 5.000 đồng) với số tiền 350.000 đồng; tổng cộng 770.000 đồng. Tổng số tiền những người Nam thanh niên chưa rõ họ tên, địa chỉ dùng vào việc đánh bạc với L là $2.787.000 + 770.000 = 3.557.000 \text{ đồng}$.

- Nhiều người Nam thanh niên chưa rõ họ tên, địa chỉ đến nhà Trần Thị Bạch L mua số đề Đài Miền Bắc của L như sau: mua 10.000 đồng bao lô số 25, 52, 53, 55, thành tiền 1.080.000 đồng; mua 3.000 đồng số đá 25-52-53, thành tiền 486.000 đồng; mua 5.000 đồng bao lô số 155, thành tiền 115.000 đồng; mua 3.000 đồng số đá 55-95, thành tiền 162.000 đồng; mua 1.000 đồng bao lô số 779, thành tiền 23.000 đồng; mua 59.000 đồng số đuôi 779, thành tiền 59.000 đồng; mua 5.000 đồng số đá 49-52-93, thành tiền 810.000 đồng; mua 50.000 đồng bao lô số 49, thành tiền 1.350.000 đồng; mua 5.000 đồng số đá 25-85, thành tiền 270.000 đồng. Tổng số tiền những người Nam thanh niên chưa rõ họ tên, địa chỉ mua số đề Đài Miền Bắc của L là 270.000 đồng (đã trả tiền mua số đề cho L). L bị bắt quả tang khi

chưa có kết quả mở thưởng nên tổng số tiền những người Nam thanh niên chưa rõ họ tên, địa chỉ dùng vào việc đánh bạc với L là 4.355.000 đồng.

Tổng số tiền Trần Thị Bạch L dùng vào việc đánh bạc đài Miền Nam với những người nêu trên là: 21.539.000 đồng, gồm: tiền bán số đề 11.669.000 đồng, tiền trúng số đề 9.870.000 đồng.

Tổng số tiền Trần Thị Bạch L dùng vào việc đánh bạc Đài Miền Bắc với những người nêu trên là: 16.320.000 đồng.

Sau khi bán lô, số đề cho những người nêu trên, L nhắn tin chuyển toàn bộ số đề bán cho những người mua số đề nêu trên vào số thuê bao 0384063422 của Lê Thị Kim L bán lại lô, số đề cho Loan để hưởng huê hồng. Đối với số đề Đài Miền Bắc, khi bị bắt quả tang, L chưa kịp chuyển tin nhắn đã bán số đề cho V, N, D, G và M để bán lại cho L. Do đó, tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của L chơi đánh bạc với L là: đài Miền Nam là 21.539.000 đồng, gồm: tiền bán số đề 11.669.000 đồng, tiền trúng số đề 9.870.000 đồng; Đài Miền Bắc là 16.320.000 đồng – 6.229.000 đồng (tổng tiền mua số đề của V, N, D, G và M) = 10.091.000 đồng, L chưa giao tiền mua số đề cho L.

Lê Thị Kim L khi nghe tin Trần Thị Bạch L bị bắt quả tang về hành vi đánh bạc, L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm đầu thú và khai nhận hành vi đánh bạc với L. Ngoài ra, L còn khai bán số đề Đài Miền Bắc cho Nguyễn Thị T như sau: Nguyễn Thị T mua 80.000 đồng bao lô số 56, 17, thành tiền $80.000 \times 27 \times 2$ số = 4.320.000 đồng; mua 30.000 đồng bao lô số 06, 60, 28, 44, thành tiền 3.240.000 đồng; mua 10.000 đồng bao lô số 22, 88, 54, 16, thành tiền 1.080.000 đồng; mua 150.000 đồng bao lô số 36, thành tiền 4.050.000 đồng; mua 40.000 đồng bao lô số 48, 84, thành tiền 2.160.000 đồng; mua 300.000 đồng bao lô số 88, thành tiền 8.100.000 đồng; mua 50.000 đồng bao lô số 33, 88, 68, 18, thành tiền 5.400.000 đồng; mua 100.000 đồng bao lô số 22, 88 thành tiền 5.400.000 đồng. Tổng số tiền T mua số đề của Loan là 33.750.000 đồng (T chưa giao tiền mua số đề cho L). Khi L bị bắt quả tang chưa có kết quả mở thưởng, nên số tiền dùng vào việc đánh bạc của T là 33.750.000 đồng.

Đồ vật, tài sản tạm giữ:

- Tạm giữ của Trần Thị Bạch L lúc bắt quả tang: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, gắn ốp lưng màu đen, gắn thẻ sim có số thuê bao 0933569459; 09 giấy ghi số đề; 01 máy tính vỏ màu hồng, hiệu KT-991MS; 02 cây bút bi mực màu xanh. Tiến hành khám xét nơi L bán số đề tại quầy bán nước giải khát Tin Tin thu giữ: 07 giấy ghi lô, số đề nhưng không rõ người mua và thời gian mua bán lô, số đề; tiền Việt Nam 35.200.000 đồng (gồm các mệnh giá: 53 tờ 500.000 đồng, 31 tờ 200.000 đồng, 20 tờ 100.000 đồng, 10 tờ 50.000 đồng); 01 đầu thu ghi hình Camera vỏ màu đen, nhãn hiệu HIKVISION, số seri E22524811(S).

- Tạm giữ của mẹ ruột L tên Võ Thị T: 150 bao thuốc lá hiệu SCOTT, 200 bao thuốc lá hiệu JET.

- Tạm giữ của Nguyễn Thị T: tiền Việt Nam 105.000.000 đồng (gồm các mệnh giá: 191 tờ 500.000 đồng, 40 tờ 200.000 đồng, 20 tờ 100.000 đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, loại bàn phím, số IMIE

354569054273418, gắn thẻ sim số thuê bao 0869110539; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo vỏ màu đỏ, màn hình cảm ứng, số IMEI 862449048975839 và 862449048975821, gắn 02 thẻ sim số thuê bao 0979634408 và 0819819628.

- Tạm giữ của Lê Thị Kim L: tiền Việt Nam 9.870.000 đồng. Đối với điện thoại di động gắn sim số thuê bao 0384063422 của Lê Thị Kim L, sau khi nghe tin La bị bắt quả tang, L đã ném bỏ điện thoại và sim xuống hồ Trúc Giang ở phường An Hội, thành phố Bến Tre, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn H: 1.620.000 đồng; 01 điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy J8, số IMEI 359052094172293 và 359052094172291 gắn 02 thẻ sim số 0372828260 và 0377125249.

- Tạm giữ của Trần Văn T: tiền Việt Nam 180.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu bạc xanh, loại cảm ứng, số IMEI 868476033317457 và 868476033317440, gắn 02 thẻ sim số 0919408739 và 0909151079.

- Tạm giữ của Nguyễn Minh C: tiền Việt Nam 2.588.000 đồng; 01 điện thoại di động di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đen, số IMEI 866269040616413 và 866269040616405, gắn thẻ sim số 0386406239 và 0987239244.

- Tạm giữ của Nguyễn Tường K: tiền Việt Nam 1.254.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, số IMEI 865607039102443 và số 865607039102450, gắn thẻ sim số 0834174532.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số IMEI 357721105180269 và 357721106180268, gắn thẻ sim số thuê bao 0378199232.

- Tạm giữ của Nguyễn Thị L: tiền Việt Nam 48.000 đồng.

- Tạm giữ của Trương Thị Tuyết M: tiền Việt Nam 208.000 đồng.

- Tạm giữ của Trần Quốc T: tiền Việt Nam 1.890.000 đồng.

- Tạm giữ của Nguyễn Ngọc D: tiền Việt Nam 2.290.000 đồng.

Hiện trường vụ án xảy ra tại quây bán nước giải khát Tin Tin của Trần Thị Bạch L ở ấp Phú Thuận, xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre; quây bán nước dài 3,2m rộng 02m; bên trong quây có xây 04 kệ bằng bê tông, mặt trên kệ được lát gạch men, mỗi kệ có kích thước 0,79m x 0,60m x 0,53m gồm: 01 kệ hướng Bắc, 02 kệ hướng Đông và 01 kệ hướng Nam. Hiện trường cụ thể nơi Trần Thị Bạch L mua bán lô, số đề là tại kệ hướng Đông.

Tại Bản kết luận giám định số 244/2021/GĐTL ngày 14/10/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận:

- Chữ viết trên giấy ghi lô, số đề đánh số thứ tự 03, 06 so với chữ viết của Nguyễn Ngọc D không phải do cùng một người viết ra.

- Chữ viết có nội dung từ “LĐ. 47 kg. 68 tg.77 ...” đến “...LĐ.568 68 2-6” trên giấy ghi lô, số đề đánh số thứ tự 09 là do Trần Thị Bạch L viết ra.

Tại Bản kết luận giám định số 176/2023/KL-KTHS ngày 07/4/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận:

- Chữ viết bằng bút mực màu xanh có nội dung: “160 30 190” trên phoi đề ký hiệu A1; chữ viết bằng bút mực màu đỏ có nội dung: “3560 7000 3440” trên phoi đề ký hiệu A3; chữ viết bằng bút mực màu đỏ có nội dung: “39 2 68 77 Đ5 27 47 Đ1” trên phoi đề ký hiệu A4; chữ viết bằng bút mực màu xanh có nội dung: “2148 374 1560” trên phoi đề ký hiệu A6; chữ viết bằng bút mực màu đỏ có nội dung: “39 79 97 10 Đ1 th 140” trên phoi đề ký hiệu A9; các chữ viết bằng bút mực màu xanh trên phoi đề ký hiệu A10; các chữ viết trên phoi đề ký hiệu A11 là do Trần Thị Bạch L viết ra.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ viết trên các phoi đề ký hiệu A2, A5, A7, A8, từ A12 đến A15 so với chữ viết của Trần Thị Bạch L có phải do cùng một người viết ra hay không.

- Không đủ cơ sở kết luận chữ viết trên các phoi đề ký hiệu từ A1 đến A15 so với chữ viết của Ngô Thanh P và Võ Thị T có phải do cùng một người viết ra hay không.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm đã xử lý đồ vật, tài liệu như sau:

- Ngày 08/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm chuyển 150 bao thuốc lá hiệu SCOTT, 200 bao thuốc lá hiệu JET cho Đội Cảnh sát kinh tế Công an huyện Giồng Trôm xử lý theo thẩm quyền.

- Ngày 07/6/2023, giao trả 01 đầu thu ghi hình Camera vỏ màu đen, nhãn hiệu HIKVISION, số seri E22524811(S) cho Ngô Thanh P do không có liên quan đến vụ án.

- Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, gấn ốp lưng màu đen, gấn thẻ sim có số thuê bao 0933569459; 16 giấy ghi số đề; 01 máy tính vỏ màu hồng, hiệu KT-991MS; 02 cây bút bi mực màu xanh (của Trần Thị Bạch L); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, loại bàn phím, số IMIE 354569054273418, gấn thẻ sim số thuê bao 0869110539; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo vỏ màu đỏ, màn hình cảm ứng, số IMEI 862449048975839 và 862449048975821, gấn 02 thẻ sim số thuê bao 0979634408 và 0819819628 (của Nguyễn Thị T); 01 điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy J8, số IMEI 359052094172293 và 359052094172291 gấn 02 thẻ sim số 0372828260 và 0377125249 (của Nguyễn Văn H); 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu bạc xanh, loại cảm ứng, số IMEI 868476033317457 và 868476033317440, gấn 02 thẻ sim số 0919408739 và 0909151079 (của Trần Văn T); 01 điện thoại di động di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đen, số IMEI 866269040616413 và 866269040616405, gấn thẻ sim số 0386406239 và 0987239244 (của Nguyễn Minh C); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, số IMEI 865607039102443 và số 865607039102450, gấn thẻ sim số 0834174532 (của Nguyễn Tường K) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số IMEI 357721105180269 và 357721106180268, gấn thẻ sim số thuê bao 0378199232 (của Nguyễn Văn N). Do đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định.

- Đối với số tiền 208.000 đồng thu giữ của Trương Thị Tuyết M; 180.000 đồng thu giữ của Trần Văn Tùng; 4.478.000 đồng thu giữ của Nguyễn Minh C (trong đó có 1.890.000 đồng của Trần Quốc T), 1.620.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn H; 474.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn N và 1.254.000 đồng thu giữ của Nguyễn Tường K; tổng cộng 8.214.000 đồng. Do đây là số tiền M, T, C, H, N và K sử dụng vào việc đánh bạc, do đã hết thời hiệu xử lý vi phạm hành chính đối với những người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm không ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính, chỉ ra Quyết định tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước số tiền nêu trên.

- Đối với số tiền 9.870.000 đồng thu giữ của Lê Thị Kim L; 2.290.000 đồng thu giữ của Nguyễn Ngọc D và 48.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị L là tiền dùng vào việc đánh bạc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm tiếp tục tạm giữ để xử lý theo quy định.

Đối với số tiền 35.200.000 đồng thu giữ của Trần Thị Bạch L; 105.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị T, tuy đây là tiền cá nhân của L và T không liên quan đến hành vi đánh bạc, nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm tiếp tục tạm giữ để xem xét xử lý.

Tổng số tiền 160.622.000 đồng tạm giữ nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm đã tạm gửi vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm.

Bản Cáo trạng số: 15/CT-VKSGT, ngày 06/7/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm truy tố các bị cáo Lê Thị Kim L, Trần Thị Bạch L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc D, Trương Ngọc V về “Tội đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Kim L, Trần Thị Bạch L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc D, Trương Ngọc V phạm “Tội đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 35; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Lê Thị Kim L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung: phạt bị cáo số tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 35; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Thị Bạch L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung: phạt bị cáo số tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 35; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ. Về hình phạt bổ sung: phạt bị cáo số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được

sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D số tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng. Về hình phạt bổ sung: không;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trương Ngọc V số tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng. Về hình phạt bổ sung: không;

Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, gắn ốp lưng màu đen của Trần Thị Bạch L; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo vỏ màu đỏ, màn hình cảm ứng, số IMEI 862449048975839 và 862449048975821 của Nguyễn Thị T; 01 điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy J8, số IMEI 359052094172293 và 359052094172291 của Nguyễn Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu bạc xanh, loại cảm ứng, số IMEI 868476033317457 và 868476033317440 của Trần Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đen, số IMEI 866269040616413 và 866269040616405 của Nguyễn Minh C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, số IMEI 865607039102443 và số 865607039102450 của Nguyễn Tường K và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số IMEI 357721105180269 và 357721106180268 của Nguyễn Văn N. Do đây là công cụ, phương tiện L, T, H, T, C, N và K dùng vào việc đánh bạc.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 thẻ sim có số thuê bao 0933569459, 0869110539; 01 máy tính vỏ màu hồng, hiệu KT-991MS; 02 cây bút bi mực màu xanh, đỏ của Trần Thị Bạch L; 02 thẻ sim số thuê bao 0979634408 và 0819819628 của Nguyễn Thị T; 02 thẻ sim số 0372828260, 0377125249 của Nguyễn Văn H; 02 thẻ sim số 0919408739, 0909151079 của Trần Văn T; 02 thẻ sim số 0386406239, 0987239244 của Nguyễn Minh C; 01 thẻ sim số 0834174532 của Nguyễn Tường K; 01 thẻ sim số thuê bao 0378199232 của Nguyễn Văn N do không còn giá trị sử dụng.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 16 giấy ghi số đề của Trần Thị Bạch L.

- Trả lại cho Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, loại bàn phím, số IMIE 354569054273418, 01 thẻ sim số thuê bao 0869110539 do không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Buộc Lê Thị Kim L nộp số tiền 9.870.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc nhưng được khấu trừ số tiền 9.870.000 đồng Loan đã nộp trong giai đoạn điều tra.

- Buộc Trần Thị Bạch L nộp số tiền 19.175.000 đồng (Miền Nam 8.799.000 đồng, Miền Bắc 10.376.000 đồng) dùng vào việc đánh bạc.

- Buộc Nguyễn Thị T nộp số tiền 33.750.000 đồng dùng vào việc đánh bạc.

- Buộc Nguyễn Ngọc D nộp số tiền thắng đánh bạc là 7.000.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 2.290.000 đồng Diện đã nộp trong giai đoạn điều tra. Buộc D phải nộp tiếp số tiền còn lại là 4.710.000 đồng.

- Buộc Nguyễn Thị nộp 48.000 đồng dùng vào việc đánh bạc nhưng được khấu trừ số tiền 48.000 đồng L đã nộp trong giai đoạn điều tra.

- Ghi nhận Cơ quan điều tra đã tịch thu: 208.000 đồng của Trương Thị Tuyết M; 180.000 đồng của Trần Văn T; 4.428.000 đồng của Nguyễn Minh C, 1.620.000

đồng của Nguyễn Văn H; 474.000 đồng của Nguyễn Văn N và 1.254.000 đồng của Nguyễn Tường K dùng vào việc đánh bạc theo thủ tục hành chính.

- Trả lại Nguyễn Minh C 50.000 đồng do C không sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 35.200.000 đồng của Trần Thị Bạch L; 105.000.000 đồng của Nguyễn Thị để đảm bảo thi hành án.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo V không có lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Giồng Trôm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan C, N, K, Út L, T, H vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra những người này đã có lời khai rõ ràng nên sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nói trên theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Lê Thị Kim L, Trần Thị Bạch L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc D, Trương Ngọc V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với các tình tiết có liên quan đến vụ án. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra như biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản đối chiếu kết quả đánh bạc, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ khẳng định ngày 16/5/2021 bị cáo Lê Thị Kim L mua bán lô, số đề 03 lần cho các bị cáo Trần Thị Kim L và Nguyễn Thị T cụ thể: 01 lần mua bán số đề đài Miền Nam với Trần Thị Bạch L với số tiền 21.539.000 đồng (gồm: tiền bán số đề 11.669.000 đồng, tiền trúng số đề 9.870.000 đồng) và 02 lần mua bán lô, số đề Đài Miền Bắc với Trần Thị Bạch L và Nguyễn Thị T với số tiền 43.841.000 đồng (gồm: bán cho L 10.091.000 đồng, bán cho T 33.750.000 đồng). Đối với bị cáo Trần Thị Bạch L mua bán lô, số đề 02 lần: 01 lần mua bán số đề đài Miền Nam với Lê Thị Kim L với số tiền: 21.539.000 đồng (gồm: tiền bán số đề 11.669.000 đồng, tiền trúng số đề 9.870.000 đồng) và 01 lần mua bán lô, số đề Đài Miền Bắc với Lê Thị Kim L với số tiền: 16.320.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị T mua bán lô, số đề với Lê Thị Kim L 01

lần với số tiền 33.750.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Ngọc D mua bán lô số đề với Trần Thị Bạch L 01 lần với số tiền là 12.388.000 đồng (gồm tiền mua số đề 5.388.000 đồng, tiền thắng số đề 7.000.000 đồng). Đối với bị cáo Trương Ngọc V mua bán lô, số đề với Trần Thị Bạch L 02 lần: 01 lần đài Miền Nam với số tiền là 758.000 đồng (gồm: tiền mua số đề 408.000 đồng, tiền thắng số đề 350.000 đồng) và 01 lần Đài Miền Bắc với số tiền là 459.000 đồng. Tuy các lần mua bán lô, số đề của bị cáo V chưa đủ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, chưa đến thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Đối với số tiền mua lô, số đề của Đài Miền Nam đã mở thưởng nên phải xử lý đối với các bị cáo trên số tiền mua bán lô, số đề cùng với số tiền trúng thưởng. Đối với số tiền mua bán lô, số đề của Đài Miền Bắc chưa mở thưởng nên chỉ xử lý các bị cáo trên số tiền mua bán lô, số đề thực tế. Hành vi trên của các bị cáo Lê Thị Kim L, Trần Thị Bạch L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc D, Trương Ngọc V đã đủ yếu tố cấu thành “Tội đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm truy tố các bị cáo với tội danh, điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật, không oan cho bị cáo. Lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát là có đủ cơ sở nên được chấp nhận.

Các bị cáo đều có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của mình gây ra, nhưng do ham lợi và nhất là xem thường pháp luật nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bởi lẽ hành vi “Đánh bạc” là một trong những tệ nạn xã hội cần phải bài trừ, vì đó là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn khác, là nguyên nhân làm ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình. Các bị cáo L, L, T, D, V đều thừa nhận về việc mua bán lô, số đề với nhau trong đó vai trò của bị cáo Loan là đầu mối để bán lô, số đề cho bị cáo L và T. Bị cáo L là đầu mối bán lô, số đề cho những con bạc khác sau đó mua lại của bị cáo L để hưởng hoa hồng, các bị cáo T, D, V là người trực tiếp mua bán lô, số đề của bị cáo L và L. Tất cả các bị cáo đều có chung một mục đích là ăn thua bằng tiền nhằm thu lợi bất chính nên các bị cáo được xem là đồng phạm nhưng có tính giản đơn. Hành vi đánh bạc trái phép của các bị cáo trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý nhà, quản lý xã hội, các bị cáo biết việc đánh bạc bị pháp luật cấm nhưng các bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Xét về tính chất mức độ cũng như hành vi của các bị cáo thấy rằng, bị cáo L với vai trò đầu mối nên về hình phạt đối với bị cáo là nặng hơn so với các bị cáo còn lại, bị cáo L cũng với vai trò đầu mối nhưng ở cấp thấp hơn so với bị cáo L nên về hình phạt đối với bị cáo L cao hơn so với các bị cáo còn lại, bị cáo T tuy phạm tội lần đầu nhưng xét về số tiền mua bán lô, số đề của bị cáo trong ngày là cao nhất nên hình phạt của bị cáo là nặng hơn so với bị cáo D, V. Đối với bị cáo D thì số tiền sử dụng vào việc đánh bạc không lớn nhưng đủ định lượng và lớn hơn so với bị cáo V, còn đối với bị cáo V tuy các lần mua lô, số đề không đủ định lượng nhưng trước đó bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính cũng với hành vi “Đánh bạc” nhưng bị cáo vẫn cố tình vi phạm pháp luật vì vậy xét về hình phạt thì bị cáo D và V là tương đồng nhau. Qua phân tích đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử cân nhắc để xem xét đưa ra mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo sau khi căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ.

Bị cáo Nguyễn Ngọc D có hành vi tham gia đánh bạc với Trần Thị Bạch L đối với Đài Miền Bắc nhưng do số tiền dùng vào việc đánh bạc của D dưới 5.000.000 đồng. Diện chưa có tiền án, tiền sự về các hành vi đánh bạc nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với D về tội Đánh bạc quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự đối với hành vi mua bán lô, số đề Đài Miền Bắc với L. Tuy nhiên, tại thời điểm kết thúc điều tra đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Công an huyện Giồng Trôm không xử lý hành chính hành vi này đối với D là phù hợp.

Đối với các đối tượng Nguyễn Minh C, Trần Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tường K, Nguyễn Văn H, Trương Thị Tuyết M, Nguyễn Minh H, Huỳnh Văn Út L và Trần Quốc T có hành vi mua bán lô, số đề với Trần Thị Bạch L nhưng do tiền dùng vào việc đánh bạc của C, T, L, N, K, H, M, H, L và T dưới 5.000.000 đồng. C, T, L, N, K, H, M, H, L và T chưa có tiền án, tiền sự về hành vi đánh bạc hoặc tổ chức đánh bạc nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Minh C, Trần Văn T, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tường K, Nguyễn Văn H, Trương Thị Tuyết M, Nguyễn Minh H, Huỳnh Văn Út L và Trần Quốc T quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, tại thời điểm kết thúc điều tra đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Công an huyện Giồng Trôm không xử lý hành chính hành vi này đối với C, T, L, N, K, H, M, P, H, L và T là phù hợp.

Đối với người tên P, G và nhiều Nam thanh niên chưa rõ họ tên, địa chỉ và một người sử dụng thuê bao 0362446970 có hành vi tham gia đánh bạc với Trần Thị Bạch L, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm chưa xác định được nhân thân, lai lịch của P, G, những người Nam thanh niên chưa rõ họ tên, địa chỉ và một người sử dụng thuê bao 0362446970 nên chưa có căn cứ để xem xét xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người chưa rõ họ tên, địa chỉ này về tội Đánh bạc quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm chuyển hồ sơ đối với người tên P, G, những người thanh niên chưa rõ họ tên, địa chỉ và người sử dụng thuê bao 0362446970 đến bộ phận nghiệp vụ Công an huyện Giồng Trôm tiếp tục xác minh làm rõ nhân thân, lai lịch P, G, những người thanh niên chưa rõ họ tên, địa chỉ và người sử dụng thuê bao 0362446970 để xử lý theo quy định.

Đối với Võ Hồng P, sinh năm 1996, đăng ký thường trú ấp Lương Thuận, xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre sau khi L bị bắt quả tang, P đã bỏ đi khỏi địa phương. Cơ quan điều tra chưa làm việc được P nên chưa có căn cứ để xem xét xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Phúc về tội Đánh bạc quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm chuyển hồ sơ đối với Phúc đến bộ phận nghiệp vụ Công an huyện Giồng Trôm tiếp tục xác minh làm để xử lý theo quy định.

Đối với mẹ ruột Trần Thị Bạch L tên Võ Thị T và chồng của L tên Ngô Thanh P, khi L sử dụng quầy bán nước giải khát của gia đình làm nơi đánh bạc nhưng L không nói cho bà T và P biết việc L đánh bạc. Bà T và P cũng không biết L đánh bạc với những người khác trong quầy bán nước giải khát của gia đình mình, Cơ quan điều tra không có chứng cứ, tài liệu nào khác chứng minh bà T và P biết nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà T và P về tội “Tổ chức đánh bạc” hoặc “Đánh bạc” quy định tại Điều 322, 321 Bộ luật Hình sự.

Việc L, L, T, D, V và những người khác khai ngoài lần đánh bạc ngày 16/5/2021 bị bắt quả tang, các đối tượng còn tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền với nhau vào các ngày trước đó. Tuy nhiên, ngoài lời khai của L, L, T, D, V và những người đánh bạc khác, Cơ quan điều tra không có chứng cứ, tài liệu khác chứng minh số tiền L, L, T, D, V và những người khác dùng tham gia đánh bạc nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L, L, T, D, V và những người khác về tội “Đánh bạc” quy định tại 321 Bộ luật Hình sự đối với các lần đánh bạc trước ngày 16/5/2021.

Đối với Võ Thị T có hành vi tàng trữ 150 bao thuốc lá điều hiệu SCOTT và 200 bao thuốc lá điều hiệu JET, số lượng thuốc lá nêu trên chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Tàng trữ hàng cấm” quy định tại Điều 191 Bộ luật Hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm chuyển hồ sơ và tang vật đến Đội Cảnh sát kinh tế Công an huyện Giồng Trôm lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính đối với T là phù hợp.

[4] Về nhân thân của bị cáo: Các bị cáo Lê Thị Kim L, Trần Thị Bạch L, Nguyễn Thị T chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là có nhân thân tốt. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc D tuy không có tiền án, tiền sự nhưng trước khi bị khởi tố bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày 31/8/2022 theo Bản án hình sự sơ thẩm số 40/2022/HS-ST ngày 31/8/2022. Bị cáo Trương Ngọc V không có tiền án nhưng có 01 tiền sự, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 104/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã Lương Quới xử phạt Trương Ngọc V 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc trái phép dưới hình thức lắc tài xỉu ăn thua bằng tiền ngày 23/3/2021 tại ấp Đồng Nhơn, xã Lương Quới, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre”; V đóng xong tiền phạt ngày 24/4/2021, do đó bị cáo D và V được xem là có nhân thân xấu.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngoài tình tiết định tội, bị cáo T, D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo L, L, V phạm tội 02 lần trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Lê Thị Kim L, Trần Thị Bạch L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Trương Ngọc V thành khẩn khai báo; bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra bị cáo L sau khi phạm tội ra đầu thú, có ông ngoại tên Đoàn Văn N là Liệt sỹ đã hy sinh trong sự nghiệp chống Pháp cứu nước, bị cáo đã nộp một phần tiền để khắc phục hậu quả; bị cáo Trần Thị Bạch L có cậu tên Võ Hồng S đã có thành tích xuất sắc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu và làm nghĩa vụ Quốc tế ở Cầm Pu Chia từ năm 1979-1989 được Nhà nước tặng Huân chương Chiến công Hạng Ba, bị cáo đang nuôi con nhỏ; bị cáo Nguyễn Thị T có cậu ruột tên Nguyễn Văn N là Liệt sỹ đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước; bị cáo Nguyễn Ngọc D từng là quân nhân nhập ngũ năm 1977 đến năm 1981 được xuất ngũ; bị cáo Trương Ngọc V có cậu ruột tên Huỳnh Văn S là Liệt sỹ đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước và bản thân bị cáo đang bị bệnh tiểu đường Tuýp 3. Do đó, bị cáo L, L, T, D, V được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều

51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo T có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tính chất, mức độ của vụ án: Căn cứ vào tính chất và mức độ hành vi của các bị cáo gây ra là ít nghiêm trọng. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định, số tiền dùng vào việc đánh bạc của từng bị cáo là không lớn, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ cần áp dụng hình phạt chính là cải tạo không giam giữ và phạt tiền kèm theo phạt bổ sung là phạt tiền ở mức cao để có thể đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo. Việc không áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt nói trên đối với các bị cáo là thể hiện tính khoan hồng của pháp luật và có thể cảm hoá các bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, gắn ốp lưng màu đen của bị cáo Trần Thị Bạch L; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo vỏ màu đỏ, màn hình cảm ứng, số IMEI 862449048975839 và 862449048975821 của Nguyễn Thị T; 01 điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy J8, số IMEI 359052094172293 và 359052094172291 của Nguyễn Văn Hùng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu bạc xanh, loại cảm ứng, số IMEI 868476033317457 và 868476033317440, của Trần Văn T; 01 điện thoại di động di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đen, số IMEI 866269040616413 và 866269040616405 của Nguyễn Minh C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, số IMEI 865607039102443 và số 865607039102450 của Nguyễn Tường K; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số IMEI 357721105180269 và 357721106180268 của Nguyễn Văn N. Do đây là phương tiện các bị cáo và các đối tượng dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, loại bàn phím, số IMIE 354569054273418, 01 thẻ sim số thuê bao 0869110539 do không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Đối với số tiền 9.870.000 đồng thu giữ của Lê Thị Kim L và số tiền 48.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị L là tiền dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Buộc Trần Thị Bạch L nộp số tiền 19.175.000 đồng (Miền Nam 8.799.000 đồng, Miền Bắc 10.376.000 đồng) dùng vào việc đánh bạc để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc Nguyễn Thị T nộp số tiền 33.750.000 đồng dùng vào việc đánh bạc để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc Nguyễn Ngọc D nộp số tiền thắng đánh bạc là 7.000.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 2.290.000 đồng D đã nộp trong giai đoạn điều tra. Buộc D phải nộp tiếp số tiền còn lại là 4.710.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Ghi nhận Cơ quan điều tra đã tịch thu: 208.000 đồng của Trương Thị Tuyết M; 180.000 đồng của Trần Văn T; 4.428.000 đồng của Nguyễn Minh C, 1.620.000 đồng của Nguyễn Văn H; 474.000 đồng của Nguyễn Văn N và 1.254.000 đồng của Nguyễn Tường K dùng vào việc đánh bạc theo thủ tục hành chính.

- Trả lại cho Nguyễn Minh C số tiền 50.000 đồng do C không sử dụng vào việc đánh bạc.

- Tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án 16 giấy ghi số đề (phơi đề), đài mua và số tiền mua số đề thu giữ của bị cáo Trần Thị Bạch L khi bắt quả tang là tài liệu, chứng cứ của vụ án.

- Đối với 02 thẻ sim có số thuê bao 0933569459, 0869110539; 01 máy tính vỏ màu hồng, hiệu KT-991MS; 02 cây bút bi mực màu xanh, đỏ của Trần Thị Bạch L; 02 thẻ sim số thuê bao 0979634408 và 0819819628 của Nguyễn Thị T; 02 thẻ sim số 0372828260, 0377125249 của Nguyễn Văn H; 02 thẻ sim số 0919408739, 0909151079 của Trần Văn T; 02 thẻ sim số 0386406239, 0987239244 của Nguyễn Minh C; 01 thẻ sim số 0834174532 của Nguyễn Tường K; 01 thẻ sim số thuê bao 0378199232 của Nguyễn Văn N. Do đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc đánh bạc không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với đề nghị của Viện kiểm sát về phần hình phạt của các bị cáo cũng như phần xử lý vật chứng là phù hợp, nhưng đối với mức hình phạt chính và hình phạt bổ sung bằng tiền thì còn thấp, do đó để thể hiện tính nghiêm minh nên Hội đồng xét xử cần phải xem xét mức hình phạt cao hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát để nhằm mục đích răn đe và phòng ngừa chung để các bị cáo ý thức được hành vi sai trái của mình mà không tái phạm.

[9] Về án phí: Các bị cáo Lê Thị Kim L, Trần Thị Bạch L, Nguyễn Thị Thuỷ, Trương Ngọc V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Ngọc D thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Kim L, Trần Thị Bạch L, Nguyễn Thị T, Nguyễn Ngọc D, Trương Ngọc V phạm: “Tội đánh bạc”.

1/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 35; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt chính:

Phạt: Lê Thị Kim L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục tiếp nhận bị cáo.

Hình phạt bổ sung:

Phạt: Lê Thị Kim L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 35; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt chính:

Phạt: Trần Thị Bạch L 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục tiếp nhận bị cáo.

Hình phạt bổ sung:

Phạt: Trần Thị Bạch L số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

3/ Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2 Điều 35; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt chính:

Phạt: Nguyễn Thị T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục tiếp nhận bị cáo.

Hình phạt bổ sung:

Phạt: Nguyễn Thị T số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

4/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt chính:

Phạt: Nguyễn Ngọc D số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Hình phạt bổ sung: không.

5/ Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58; điểm b khoản 2 Điều 32; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hình phạt chính:

Phạt: Trương Ngọc V số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng).

Hình phạt bổ sung: không.

[2] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: từ bị cáo Trần Thị Bạch L 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, gắn ốp lưng màu đen; từ bị cáo Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vivo vỏ màu đỏ, màn hình cảm ứng, số IMEI 862449048975839 và 862449048975821; từ Nguyễn Văn H 01 điện thoại di động loại cảm ứng, nhãn hiệu Samsung Galaxy J8, số IMEI 359052094172293 và 359052094172291; từ Trần Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu bạc xanh, loại cảm ứng, số IMEI 868476033317457 và 868476033317440; từ Nguyễn Minh C 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đỏ đen, số IMEI 866269040616413 và 866269040616405; từ Nguyễn Tường K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, màn hình cảm ứng, số IMEI 865607039102443 và số 865607039102450; từ Nguyễn Văn N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, số IMEI 357721105180269 và 357721106180268.

- Trả lại cho Nguyễn Thị T 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Nokia vỏ màu đen, loại bàn phím, số IMIE 354569054273418, 01 thẻ sim số thuê bao 0869110539 do không liên quan đến hành vi đánh bạc.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: từ bị cáo Lê Thị Kim L số tiền 9.870.000 (chín triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 9.870.000 (chín triệu tám trăm bảy mươi nghìn) đồng L đã nộp trong giai đoạn điều tra; buộc bị cáo Nguyễn Ngọc D nộp số tiền thu lợi bất chính từ việc đánh bạc là 7.000.000 (bảy triệu) đồng nhưng được khấu trừ số tiền 2.290.000 (hai triệu hai trăm chín mươi nghìn) đồng D đã nộp trong giai đoạn điều tra, buộc bị cáo D phải nộp tiếp số tiền còn lại là 4.710.000 (bốn triệu bảy trăm mười nghìn) đồng. Căn cứ vào Giấy nộp tiền ngày 13/02/2023 do Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 394909042086, với số tiền 12.160.000 đồng.

- Ghi nhận bị cáo Lê Thị Kim L đã tự nguyện nộp số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, căn cứ vào Biên lai thu số 0000773 ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Do đó, về hình phạt bổ sung đối với bị cáo với số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, nên được khấu trừ. Bị cáo L còn phải nộp tiếp số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng của khoản tiền phạt bổ sung như án tuyên.

- Buộc bị cáo Trần Thị Bạch L nộp số tiền 19.175.000 (mười chín triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc Nguyễn Thị T nộp số tiền 33.750.000 (ba mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc để sung quỹ Nhà nước.

- Ghi nhận Cơ quan điều tra đã tịch thu: 208.000 đồng của Trương Thị Tuyết M; 180.000 đồng của Trần Văn T; 4.428.000 đồng của Nguyễn Minh C, 1.620.000 đồng của Nguyễn Văn H; 474.000 đồng của Nguyễn Văn N và 1.254.000 đồng của Nguyễn Tường K dùng vào việc đánh bạc theo thủ tục hành chính.

- Trả lại Nguyễn Minh C 50.000 (năm mươi nghìn) đồng do C không sử dụng vào việc đánh bạc.

- Buộc Nguyễn Thị L nộp số tiền 48.000 (bốn mươi tám nghìn) đồng dùng vào việc đánh bạc để sung quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ số tiền 48.000 (bốn mươi tám nghìn) đồng L đã nộp trong giai đoạn điều tra.

Việc khấu trừ và trả lại các khoản tiền được tính trên 02 Giấy nộp tiền ngày 13/02/2023 do Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 394909042086 trong đó khoản tiền được nộp là 7.804.000 đồng và 105.500.000 đồng.

- Tiếp tục lưu giữ hồ sơ vụ án 16 giấy ghi số đề (phơi đề), đài mua và số tiền mua số đề thu giữ của bị cáo Trần Thị Bạch L khi bắt quả tang là tài liệu, chứng cứ của vụ án.

- Tịch thu tiêu hủy: các thẻ sim có số thuê bao 0933569459, 0869110539, 0372828260, 0377125249, 0919408739, 0909151079, 0386406239, 0987239244, 0834174532, 0378199232, 01 máy tính vỏ màu hồng, hiệu KT-991MS, 02 cây bút 02 màu xanh, đỏ (Theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 18/7/2023 giữa Cơ

quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm).

- Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Trần Thị Kim L số tiền 35.200.000 (ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn) đồng. Căn cứ vào Giấy nộp tiền ngày 13/02/2023 do Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 394909042086, để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 83.750.000 (tám mươi ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng trong tổng số tiền 105.000.000 (một trăm lẻ năm triệu) đồng, để đảm bảo cho việc thi hành án. Trả cho bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 21.250.000 (hai mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng còn lại. Căn cứ vào Giấy nộp tiền ngày 13/02/2023 do Công an huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo tài khoản số 394909042086.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Thị Kim L, Trần Thị Bạch L, Nguyễn Thị T, Trương Ngọc V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Ngọc D được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Giồng Trôm (1b);
- Cơ quan điều tra CA huyện Giồng Trôm (1b);
- Cơ quan THAHS CA huyện Giồng Trôm (6b);
- Chi cục THA dân sự huyện Giồng Trôm (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Châu Hòa (3b);
- Các bị cáo (5b);
- Những người tham gia tố tụng khác (10b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (15b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Minh Tâm